

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CAO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CAO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM HIGHTECH AND SCIENCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301155314

3. Ngày thành lập: 26/11/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 08, Đường BH1, Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, Xã Phù Chẩn, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0972 413 618

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
2.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
3.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
4.	Sản xuất máy luyện kim	2823
5.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
6.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
7.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
8.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
9.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
10.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
11.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
12.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
13.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
14.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
15.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
16.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
17.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
18.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
19.	Sửa chữa thiết bị khác	3319

20.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
21.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
22.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
23.	Xây dựng nhà để ở	4101
24.	Xây dựng nhà không để ở	4102
25.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
26.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
27.	Xây dựng công trình điện	4221
28.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
29.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
30.	Xây dựng công trình thủy	4291
31.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
32.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
33.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
34.	Phá dỡ	4311
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
37.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
40.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
41.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
42.	Bán buôn thực phẩm	4632
43.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
44.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
45.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
48.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
49.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng nguyên liệu và vàng miếng)	4662
50.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
51.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
52.	Bán buôn tổng hợp	4690
53.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

55.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
56.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
57.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
58.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
59.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
60.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
61.	Bốc xếp hàng hóa	5224
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; Gửi hàng; Đại lý bán vé máy bay	5229
63.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
64.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
65.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
66.	Lập trình máy vi tính	6201
67.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
68.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
69.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
70.	Cổng thông tin	6312
71.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
72.	Hoạt động tư vấn quản lý Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 2 (Trừ các dự án quan trọng quốc gia); + Xác định chỉ tiêu xuất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; + Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; + Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; + Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; + Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; + Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình;	7020

73.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Thiết kế cơ điện công trình; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng; Tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký) Tư vấn lập hồ sơ mời thầu; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật hệ thống phòng cháy và chữa cháy	7110
74.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình cơ điện;	7120
75.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
76.	Quảng cáo	7310
77.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
78.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
79.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy -Huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	7490
80.	Cho thuê xe có động cơ	7710
81.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
82.	Đại lý du lịch	7911
83.	Điều hành tua du lịch	7912
84.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
85.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
86.	Dịch vụ đóng gói	8292
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm).	8299
88.	Đào tạo sơ cấp	8531
89.	Đào tạo trung cấp	8532
90.	Đào tạo cao đẳng	8533
91.	Đào tạo đại học	8541
92.	Đào tạo thạc sỹ	8542
93.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
94.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000

95.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
96.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
97.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
98.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
99.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212(Chính)
100.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
101.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
102.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
103.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
104.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
105.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
106.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
107.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
108.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
109.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
110.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
111.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
112.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
113.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
114.	Sản xuất rượu vang	1102
115.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
116.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
117.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
118.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
119.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
120.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
121.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
122.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
123.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
124.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
125.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
126.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
127.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670

128.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
129.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
130.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
131.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
132.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
133.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
134.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
135.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
136.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
137.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
138.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
139.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
140.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
141.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ ĐẦU TƯ INTECH	Số 12N6, ngõ 90 đường Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.800.000	18.000.000.000	90,000	0105978170	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.800.000	18.000.000.000	90,000		
2	CAO ĐẠI THẮNG	Khu 6, Xã Hùng Lô, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	131200256	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		

3	ĐINH THỊ VÂN ANH	Khu 6, Xã Hùng Lô, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	132024335	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐINH THỊ VÂN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/10/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 132024335

Ngày cấp: 17/11/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 6, Xã Hùng Lô, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu 6, Xã Hùng Lô, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh